

## PHỤ LỤC 1

**Tổng hợp thông tin các cơ sở thuộc Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026**  
(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TT	Số thứ tự theo QĐ 13 <sup>1</sup>	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu	Mã số thuế, người đại diện, Tập đoàn hoặc Công ty mẹ (nếu có)	Lượng phát thải khí nhà kính trong năm 2024 <sup>2</sup> (tấn CO <sub>2</sub> e)	Tổng năng lượng tiêu thụ năm 2025 <sup>3</sup> (TOE)	Ghi chú
<b>I. Ngành Công Thương</b>								
1.	1658	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	Quốc lộ 80, CCN Vàm Cống, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Chế biến thủy sản	0303141296	33.714,89	7.044	
2.	1659	Công ty Cổ phần Vạn Ý	Lô C, CCN Bình Thành, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp	Chế biến thủy sản	1400914137	13.306,0495	3.326	
3.	1660	Công ty Cổ phần thủy sản Phát Tiến 2	Lô B3, CCN Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp	Chế biến thủy sản	140119716	1.961,9	2.693	
4.	1661	Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cỏ May	Lô 8-9-10, KCN Sông Hậu, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp,	Chế biến thủy sản	1402037964	6.231,94	1.475	

<sup>1</sup> Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật)

<sup>2</sup> Theo báo cáo kiểm kê khí nhà kính của cơ sở

<sup>3</sup> Lấy theo Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 07/02/2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

TT	Số thứ tự theo QĐ 13 <sup>1</sup>	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu	Mã số thuế, người đại diện, Tập đoàn hoặc Công ty mẹ (nếu có)	Lượng phát thải khí nhà kính trong năm 2024 <sup>2</sup> (tấn CO <sub>2</sub> e)	Tổng năng lượng tiêu thụ năm 2025 <sup>3</sup> (TOE)	Ghi chú
5.	1764	Công ty TNHH HANSAE TG	Lô BIII, KCN Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1201085742	6.052,6	1.744	
6.	1765	Công ty TNHH FREEVIEW INDUSTRIAL (Việt Nam)	Lô AII-1-8, AIII-6, AIV-1-9, AV-5,6 KCN Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất giày, dép	1201591876	64.551	23.691	
7.	1766	Công ty TNHH YMUV	Lô AIII -1,5 KCN Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất giày, dép	1201485042	6.140	1.234	
8.	1767	Công ty TNHH túi sách Simone Việt Nam TG	Lô AI, AI-1, AVI, AVII, KII-1 KCN Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1201079273	10.337,37	1.887	
9.	1768	Công ty TNHH Dụ Đức Việt Nam	Lô BIV, CI-10, KCN Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất giày, dép	1201073419	20.257,217	4.550	

TT	Số thứ tự theo QĐ 13 <sup>1</sup>	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu	Mã số thuế, người đại diện, Tập đoàn hoặc Công ty mẹ (nếu có)	Lượng phát thải khí nhà kính trong năm 2024 <sup>2</sup> (tấn CO <sub>2</sub> e)	Tổng năng lượng tiêu thụ năm 2025 <sup>3</sup> (TOE)	Ghi chú
10.	1769	Công ty TNHH Minh Hưng Tiền Giang	Ấp Kinh 2A, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất sợi, dệt, may	1200748517	5.515,26	-	Không thuộc Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2025 → đề nghị đưa ra khỏi danh sách cơ sở bắt buộc phải kiểm kê KNK
11.	1770	Công ty TNHH Công nghiệp Minh Hưng	Ấp Kinh 2A, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất sản phẩm khác từ plastic	1201044062	8.809,50	3.617	

TT	Số thứ tự theo QĐ 13 <sup>1</sup>	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu	Mã số thuế, người đại diện, Tập đoàn hoặc Công ty mẹ (nếu có)	Lượng phát thải khí nhà kính trong năm 2024 <sup>2</sup> (tấn CO <sub>2</sub> e)	Tổng năng lượng tiêu thụ năm 2025 <sup>3</sup> (TOE)	Ghi chú
12.	1771	Công ty TNHH Giày Apache Việt Nam	Lô 79, KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất giày, dép	1201484151	25.831,15	6.274	
13.	1772	Công ty TNHH Sợi MEKONG	Lô 96A, 96B, 97B KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất sản phẩm từ plastic	1201545220	30.983,16	3.588	
14.	1773	Công ty TNHH thực nghiệp dệt Kang Na Việt Nam	Lô 62B, 63, 65, 66, KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất sợi	1201450988	43.750,856	11.252	
15.	1774	Công ty TNHH gia công Đồng Hải Lượng Việt Nam	KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	Đúc kim loại màu	1200726136	64.524,269	16.708	
16.	1775	Công ty TNHH Công nghiệp BELLINTURF Việt Nam	Lô 121A, KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất sản phẩm khác từ plastic	1201538248	101.277,07	32.739	
17.	1776	Công ty TNHH nhôm Vĩnh Hưng Việt Nam	Lô 129, 130, 131 A, KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	Đúc kim loại màu	1201525552	23.371,406	6.433	
18.	1777	Công ty TNHH Công nghiệp đồng Jintian Việt Nam	Lô 110A1, 110B, 110C, 110D, KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	1201546947	43.903,68	11.381	

TT	Số thứ tự theo QĐ 13 <sup>1</sup>	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu	Mã số thuế, người đại diện, Tập đoàn hoặc Công ty mẹ (nếu có)	Lượng phát thải khí nhà kính trong năm 2024 <sup>2</sup> (tấn CO <sub>2</sub> e)	Tổng năng lượng tiêu thụ năm 2025 <sup>3</sup> (TOE)	Ghi chú
19.	1778	Công ty TNHH Cơ khí Chính xác Win - Viet	Lô 131B3,131C2, KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	1201588168	5.805,868	1.392	
20.	1779	Công ty TNHH Công nghệ SINOMAG Việt Nam	Lô 131A2, 131B1, KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu	1201541466	15.755,19	8.792	
21.	1780	Công ty TNHH NISSEI ELECTRIC Mỹ Tho	Lô 55-55B, KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất linh kiện điện tử	1201142158	5.536,60	1.293	
22.	1781	Công ty TNHH Bao bì Yongfeng Việt Nam	Lô 93A, 93B, KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất sản phẩm từ plastic	1201482193	5.874,75	1.394	
23.	1782	Công ty TNHH Lốp Advance Việt Nam	Lô 105, 106, 107, 108, 109A, 109B, 109C, 109D, 110A2 KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất sảm, lốp cao su	1201601651	58.731,65	22.493	

TT	Số thứ tự theo QĐ 13 <sup>1</sup>	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu	Mã số thuế, người đại diện, Tập đoàn hoặc Công ty mẹ (nếu có)	Lượng phát thải khí nhà kính trong năm 2024 <sup>2</sup> (tấn CO <sub>2</sub> e)	Tổng năng lượng tiêu thụ năm 2025 <sup>3</sup> (TOE)	Ghi chú
24.	1783	Công ty TNHH sản phẩm thể thao giải trí Bestway Việt Nam	Lô 36B, 37B, 51A, 52, KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất sản phẩm khác từ plastic	1201598254	26.822,503	9.687	
25.	1784	Công ty TNHH Dầu ăn Honoroad VN	Lô 26A - Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1201041135	120,673	-	Không thuộc Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2025 → đề nghị đưa ra khỏi danh sách cơ sở bắt buộc phải kiểm kê KNK

TT	Số thứ tự theo QĐ 13 <sup>1</sup>	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu	Mã số thuế, người đại diện, Tập đoàn hoặc Công ty mẹ (nếu có)	Lượng phát thải khí nhà kính trong năm 2024 <sup>2</sup> (tấn CO <sub>2</sub> e)	Tổng năng lượng tiêu thụ năm 2025 <sup>3</sup> (TOE)	Ghi chú
26.	1785	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Kim Loại YongJin Việt Nam	Lô 132A, 133A, 135, 136A, KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	1201604042	46.722,15	5.785	
27.	1786	Công ty TNHH Scancom Việt Nam - Chi nhánh Long Giang	Lô 87A, 88, 89, 90B, KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	Gia công cơ khí	0301878655-008	6.574,604	2.394	
28.	1787	Công ty Cổ phần TaeKwang Vina Industrial - Chi nhánh Mỹ Tho	Tỉnh lộ 864, KCN Trung An, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất giày, dép	3600266046-004	6.876,46	1.753	
29.	1788	Công ty Cổ phần nhựa Mê Kông	Lô B, CCN Trung An, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất bao bì từ plastic	1200527081	6.938,4	1.821	
30.	1789	Chi nhánh số 2 - Công ty TNHH nhà máy bia Heineken Việt Nam – Tiền Giang	KCN Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	0300831132-022	9.501,79	2.201	
31.	1790	Công ty TNHH sản xuất chế biến nông thủy sản xuất khẩu Thuận Phong	KCN Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất các loại bánh từ bột	1200481101	11.089,81	13.287	

## II. Ngành Xây dựng

TT	Số thứ tự theo QĐ 13 <sup>1</sup>	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu	Mã số thuế, người đại diện, Tập đoàn hoặc Công ty mẹ (nếu có)	Lượng phát thải khí nhà kính trong năm 2024 <sup>2</sup> (tấn CO <sub>2</sub> e)	Tổng năng lượng tiêu thụ năm 2025 <sup>3</sup> (TOE)	Ghi chú
32.	221	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại Hữu	Ấp Tân Thạnh, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	1200948280	11.234,34	1.990	
<b>III. Ngành Tài nguyên và Môi trường</b>								
TT	Số thứ tự theo QĐ 13	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu	Mã số thuế, người đại diện, Tập đoàn hoặc Công ty mẹ (nếu có)	Lượng phát thải khí nhà kính trong năm 2024 (tấn CO <sub>2</sub> e)	Công suất xử lý (tấn/năm)	Ghi chú
33.	56	Bãi rác Tân Lập	Xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	Chôn lấp chất thải	1200357376	92.787,061	206.082,358	
<b>TỔNG</b>						<b>820.891,167</b>		